**Mẫu số 28.NT**

**SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN.......
…… (Tên cơ quan quản lý nhà nước về thủy sản cấp tỉnh) …….**

\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_

Căn cứ Quyết định.....chức năng nhiệm vụ.....;

Căn cứ Nghị định số ……../2019/NĐ-CP ngày ..tháng…năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thủy sản;

Thủ trưởng ….. (Tên cơ quan quản lý nhà nước về thủy sản cấp tỉnh)……

**GIẤY XÁC NHẬN**

**(Lần: ……, ngày … tháng … năm ….)**

Số: ............/20...

Họ, tên chủ cơ sở: ..............................................................................................

Số căn cước công dân/CMTND (đối với chủ cơ sở nuôi không phải là doanh nghiệp) hoặc mã số doanh nghiệp ................... do ............., cấp ngày.......................

Địa chỉ cơ sở:....................................... .........................................................

Số điện thoại:................................. Số Fax: .......................................................

Email (nếu có):........................................ ......................................................

Mã số cơ sở nuôi (**AA-BB-CCCCCC**) có mã số nhận diện từng ao/bể/lồng nuôi như sau:

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Mã số nhận diện ao/bể/****lồng nuôi[[1]](#footnote-1)** | **Ao/bể/lồng nuôi[[2]](#footnote-2)** | **Diện tích ao/bể/****lồng nuôi (m2)** | **Địa chỉ ao/bể/****lồng nuôi[[3]](#footnote-3)** |
| 1 | AA-BB-CCCCCC-DDDD |   |   |   |
| 2 |   |   |   |   |
| .... |   |   |   |   |

**Trong đó:**

**AA** là mã số tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và được quy định tại Quyết định số 124/2004/QĐ-TTg ngày 08 tháng 7 năm 2004 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành bảng danh mục và mã số các đơn vị hành chính Việt Nam;

**BB** là mã số đối tượng nuôi: đối tượng nuôi lồng bè là 00; cá tra là 01; tôm nước lợ (tôm sú, tôm thẻ chân trắng) là 02;

**CCCCCC** là số thứ tự cơ sở nuôi được cấp từ 000001 đến 999999;

**DDDD** làsố thứ tự ao/bể/lồng bè của cơ sở nuôi, được cấp theo thứ tự từ 0001 đến 9999. Mỗi ao/bể/lồng bè nuôi có duy nhất một mã số.

|  |  |
| --- | --- |
|  ***Nơi nhận:***-- | ................, *ngày........tháng........năm.......***THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ** |

1. Mã số đăng ký ao/bể/lồng nuôi được cấp cho cơ sở theo từng ao/bể/lồng nuôi. [↑](#footnote-ref-1)
2. Ghi rõ ký hiệu hoặc tên ao/bể/lồng nuôi theo sơ đồ mặt bằng vị trí ao/bể/lồng nuôi. [↑](#footnote-ref-2)
3. Ghi cụ thể đến ấp, thôn, xã, huyện. [↑](#footnote-ref-3)